

Số: 2154 /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện trên môi trường điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng năm 2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

*Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện trên môi trường điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng năm 2025

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 6235/QĐ-BQP ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện trên môi trường điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Các đồng chí Lãnh đạo BQP<sup>09</sup>;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ<sup>22</sup>;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương<sup>63</sup>;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP<sup>63</sup>;
- VPBQP: CVP, PCVP (CCHC);
- Cổng Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, CCHC. S162.



**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Trượng tượng Lê Huy Vịnh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN**  
**TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số:                   /QĐ-BQP ngày        tháng        năm 2025  
của Bộ Quốc phòng)

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                          | Lĩnh vực      | Cơ quan giải quyết                                                            | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1.013199 | Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mức độ toàn trình)              | Mật mã dân sự | Ban Cơ yếu Chính phủ (Cục Quản lý Mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã) | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a><br>Cổng Thông tin điện tử Ban Cơ yếu Chính phủ tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.nacis.gov.vn">dichvucong.nacis.gov.vn</a> |
| 2   | 1.013202 | Thủ tục gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mức độ toàn trình)          | Mật mã dân sự | Ban Cơ yếu Chính phủ (Cục Quản lý Mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã) | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a><br>Cổng Thông tin điện tử Ban Cơ yếu Chính phủ tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.nacis.gov.vn">dichvucong.nacis.gov.vn</a> |
| 3   | 1.013201 | Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mức độ toàn trình)          | Mật mã dân sự | Ban Cơ yếu Chính phủ (Cục Quản lý Mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã) | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a><br>Cổng Thông tin điện tử Ban Cơ yếu Chính phủ tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.nacis.gov.vn">dichvucong.nacis.gov.vn</a> |
| 4   | 1.013200 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (mức độ toàn trình) | Mật mã dân sự | Ban Cơ yếu Chính phủ (Cục Quản lý Mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã) | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a><br>Cổng Thông tin điện tử Ban Cơ yếu Chính phủ tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.nacis.gov.vn">dichvucong.nacis.gov.vn</a> |
| 5   | 1.013203 | Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu                                                        | Mật mã dân sự | Ban Cơ yếu Chính phủ (Cục Quản lý                                             | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ:                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                 | Lĩnh vực | Cơ quan giải quyết                          | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                         |
|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | sản phẩm mật mã dân sự ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                                                                                                                                                      |          | Mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã) | dichvucong.mod.gov.vn<br>Cổng Thông tin điện tử Ban Cơ yếu Chính phủ tại địa chỉ: dichvucong.nacis.gov.vn |
| 6   | 1.013559 | Thủ tục chấp thuận cho phóng viên nước ngoài thường trú tại Việt Nam hoạt động thông tin, báo chí tại các đơn vị quân đội, tiếp xúc, phỏng vấn lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị ( <i>mức độ toàn trình</i> ) | Báo chí  | Cục Tuyên huấn/Tổng cục Chính trị           | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: dichvucong.mod.gov.vn         |
| 7   | 1.013561 | Thủ tục chấp thuận cho phóng viên nước ngoài vào Việt Nam qua đường liên doanh, hợp tác khoa học, sản xuất hoạt động thông tin, báo chí tại các đơn vị quân đội ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                             | Báo chí  | Cục Tuyên huấn/Tổng cục Chính trị           | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: dichvucong.mod.gov.vn         |
| 8   | 1.013560 | Thủ tục chấp thuận cho phóng viên nước ngoài không thường trú tại Việt Nam hoạt động thông tin, báo chí tại các đơn vị quân đội, tiếp xúc, phỏng vấn lãnh đạo Bộ Quốc                                                                    | Báo chí  | Cục Tuyên huấn/TCCT                         | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: dichvucong.mod.gov.vn         |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                          | Lĩnh vực          | Cơ quan giải quyết                         | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị <i>(mức độ toàn trình)</i>                                                                            |                   |                                            |                                                                                                                                                                                                                                      |
| 9   | 1.013567 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền Việt Nam; tàu thuyền, thuyền viên nước ngoài xuất cảnh tại cửa khẩu cảng <i>(mức độ toàn trình)</i> | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu cảng                   | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 10  | 1.013566 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền Việt Nam; tàu thuyền, thuyền viên nước ngoài nhập cảnh tại cửa khẩu cảng <i>(mức độ toàn trình)</i> | Quản lý biên giới | Đồn Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 11  | 1.013574 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền, thuyền viên nước ngoài quá cảnh tại cửa khẩu cảng <i>(mức độ toàn trình)</i>                       | Quản lý biên giới | Đồn Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 12  | 1.013573 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền, thuyền viên nước ngoài chuyển cảng đi tại cửa khẩu cảng <i>(mức độ</i>                             | Quản lý biên giới | Đồn Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                  | Lĩnh vực          | Cơ quan giải quyết                                                 | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | <i>toàn trình)</i>                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                      |
| 13  | 1.013572 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền, thuyền viên nước ngoài chuyển cảng đến tại cửa khẩu cảng ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                                                                                      | Quản lý biên giới | Đồn Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền                         | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 14  | 1.013571 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam theo tuyến quá cảnh quy định tại Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường thủy ( <i>mức độ một phần</i> ) | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền và Biên phòng cửa khẩu cảng | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 15  | 1.013570 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang quốc tịch của quốc gia có chung biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh tại cửa khẩu cảng thuộc khu vực biên giới của Việt Nam với quốc gia đó                  | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền và Biên phòng cửa khẩu cảng | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                        | Lĩnh vực          | Cơ quan giải quyết       | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | <i>(mức độ toàn trình)</i>                                                                                                                                      |                   |                          |                                                                                                                                                                                                                                      |
| 16  | 1.013569 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi <i>(mức độ toàn trình)</i>                                       | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu cảng | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 17  | 1.013568 | Thủ tục cấp, tạm dừng và hủy tài khoản truy cập Cổng Thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển đối với người làm thủ tục                                   | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu cảng | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 18  | 1.013548 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử biên phòng cảng biển đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng <i>(mức độ toàn trình)</i> | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu cảng | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 19  | 1.013552 | Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng <i>(mức độ toàn trình)</i>                                  | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu cảng | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vns.gov.vn">https://www.vns.gov.vn</a> |
| 20  | 1.013590 | Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối                                                                                                      | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu cảng | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a>                                                                                                              |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                  | Lĩnh vực                         | Cơ quan giải quyết              | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | với Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ xuất cảnh, nhập cảnh ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                                              |                                  |                                 | hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vnsww.gov.vn">https://www.vnsww.gov.vn</a>                                                                                                                         |
| 21  | 1.013592 | Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh ( <i>mức độ toàn trình</i> ) | Quản lý biên giới                | Biên phòng Cửa khẩu cảng        | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vnsww.gov.vn">https://www.vnsww.gov.vn</a> |
| 22  | 1.013591 | Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                             | Quản lý biên giới                | Biên phòng Cửa khẩu cảng        | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vnsww.gov.vn">https://www.vnsww.gov.vn</a> |
| 23  | 1.013517 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                   | Quản lý biên giới                | Biên phòng Cửa khẩu cảng        | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vnsww.gov.vn">https://www.vnsww.gov.vn</a> |
| 24  | 1.013589 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                                | Quản lý biên giới                | Biên phòng cửa khẩu cảng        | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a> hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vnsww.gov.vn">https://www.vnsww.gov.vn</a> |
| 25  | 1.013543 | Thủ tục điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp                                                                                                              | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a>                                                                                             |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                    | Lĩnh vực                                            | Cơ quan giải quyết              | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                            |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | <i>(mức độ toàn trình)</i>                                                                                                                  | tiền chất thuốc nổ                                  |                                 |                                                                                                                                              |
| 26  | 1.013541 | Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do bị mất hoặc cấp đổi do bị hư hỏng <i>(mức độ toàn trình)</i>                   | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 27  | 1.013540 | Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu (đối với tổ chức, doanh nghiệp làm dịch vụ nổ mìn) <i>(mức độ toàn trình)</i> | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 28  | 1.013545 | Thủ tục điều chỉnh Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ <i>(mức độ toàn trình)</i>                              | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 29  | 1.013544 | Thủ tục cấp Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ <i>(mức độ toàn trình)</i>                                     | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 30  | 1.013542 | Thủ tục cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp sau khi hết thời hạn <i>(mức độ toàn trình)</i>                                   | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 31  | 1.013539 | Thủ tục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ                                                                                                   | Quản lý vật liệu nổ công                            | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ:                                                                  |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                     | Lĩnh vực                                            | Cơ quan giải quyết              | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                 |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | công nghiệp lần đầu (đối với tổ chức, doanh nghiệp không thi công công trình quốc phòng, an ninh; không làm dịch vụ nổ mìn) <i>(mức độ toàn trình)</i>       | ngành, tiền chất thuốc nổ                           |                                 | dichvucong.mod.gov.vn                                                                             |
| 32  | 1.013538 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng <i>(mức độ toàn trình)</i>     | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: dichvucong.mod.gov.vn |
| 33  | 1.013535 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng <i>(mức độ toàn trình)</i> | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: dichvucong.mod.gov.vn |
| 34  | 1.013533 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng <i>(mức độ toàn trình)</i>          | Quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Tổng cục Công nghiệp quốc phòng | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: dichvucong.mod.gov.vn |
| 35  | 1.013530 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng                                                                                                                                   | Quản lý vật liệu                                    | Tổng cục Công nghiệp            | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính                                                  |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                       | Lĩnh vực                           | Cơ quan giải quyết             | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                            |
|-----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiên chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng                                                                                                                                              | nổ công nghiệp, tiên chất thuốc nổ | quốc phòng                     | Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a>                                                  |
| 36  | 1.013558 | Thủ tục cấp lại giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các <i>(mức độ toàn trình)</i>                                                                          | Quản lý vùng trời                  | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 37  | 1.013557 | Thủ tục cấp đổi giấy phép cho cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ <i>(mức độ toàn trình)</i> | Quản lý vùng trời                  | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 38  | 1.013556 | Thủ tục cấp phép cho cơ sở thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ <i>(mức độ toàn trình)</i>                                                       | Quản lý vùng trời                  | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                             | Lĩnh vực          | Cơ quan giải quyết             | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                            |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | <i>độ toàn trình)</i>                                                                                                                                                                                                                |                   |                                |                                                                                                                                              |
| 39  | 1.013555 | Thủ tục cấp giấy phép cho các cơ sở thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và các trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ ( <i>mức độ toàn trình</i> ) | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 40  | 1.013285 | Thủ tục đề nghị chấp thuận độ cao công trình ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                                                                                                                            | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 41  | 1.013281 | Thủ tục mở bãi cất hạ cánh trên boong tàu ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                                                                                                                               | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 42  | 1.013280 | Thủ tục đóng bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                                                                                               | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 43  | 1.013279 | Thủ tục mở bãi cất, hạ cánh trên mặt đất, mặt nước, công trình nhân tạo ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                                                                                                 | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 44  | 1.013278 | Thủ tục đóng sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước ( <i>mức độ toàn</i>                                                                                                                                                         | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                              | Lĩnh vực          | Cơ quan giải quyết             | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                            |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | <i>trình)</i>                                                                                                         |                   |                                |                                                                                                                                              |
| 45  | 1.013284 | Thủ tục mở lại sân bay chuyên dùng ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                       | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 46  | 1.013283 | Thủ tục đóng tạm thời sân bay chuyên dùng ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                                | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 47  | 1.013282 | Thủ tục đóng bãi cát, hạ cánh trên boong tàu ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                             | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 48  | 1.013275 | Thủ tục mở sân bay chuyên dùng trên mặt đất, mặt nước ( <i>mức độ toàn trình</i> )                                    | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 49  | 1.013273 | Thủ tục sửa đổi phép bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ ( <i>mức độ toàn trình</i> ) | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 50  | 1.013272 | Thủ tục cấp phép bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ ( <i>mức độ toàn trình</i> )     | Quản lý vùng trời | Cục Tác chiến/Bộ Tổng Tham mưu | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |
| 51  | 1.013550 | Thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị                                                                              | Quản lý biên giới | Biên phòng cửa khẩu cảng       | Cổng Thông tin Biên phòng điện tử tại địa chỉ <a href="http://thutucbienphong.gov.vn">http://thutucbienphong.gov.vn</a>                      |

| STT | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                     | Lĩnh vực                    | Cơ quan giải quyết                | Địa chỉ tiếp nhận                                                                                                                            |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | thực tại cửa khẩu biên giới đất liền và cảng biển <i>(mức độ một phần)</i>                                   |                             |                                   | hoặc Cổng Thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ <a href="https://www.vnsn.gov.vn">https://www.vnsn.gov.vn</a>                               |
| 52  | 3.000420 | Thủ tục xin thiết lập trang, cổng thông tin điện tử trên Internet của Bộ Quốc phòng <i>(mức độ một phần)</i> | Quản lý công nghệ thông tin | Cục Tuyên huấn/Tổng cục Chính trị | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Quốc phòng tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.mod.gov.vn">dichvucong.mod.gov.vn</a> |